

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 20/2021/KDTM-ST

Ngày : 05/3/2021

“ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hồ Đắc Toàn - Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi.

2. Bà Trần Thị Bích Hợp - Cán bộ hưu trí phường Lê Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/TLST-KDTM ngày 05/10/2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2021/QĐXX-ST ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-KDTM ngày 05/02/2021, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, q. H.K, TP. H.N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Th - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện ủy quyền: Ông Võ Nam Th - Phó trưởng phòng khách hàng 3 thuộc Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh P.T.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Cẩm H, sinh năm: 1977.

Anh Trần Q.T, sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Tổ 21, KV3, P. Q.T, TP. Q.N, tỉnh B.Đ

Tạm trú: 417A Nguyễn Th.H, TP. Q.N, tỉnh B.Đ.

(Ông Th có mặt, chị H và anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, ông Võ Nam Th trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng BIDV) và vợ chồng chị Phan Thị Cẩm H, anh Trần Quang T có ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Ngày 04/11/2019 Ngân hàng BIDV và chị Phan Thị Cẩm H, anh Trần Quang T có lập hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2019/13185981/HĐTD, hạn mức tín dụng là 2.500.000.000đ (*hai tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân là ngày 04/11/2019, ngày đáo hạn là ngày 04/11/2020. Lãi suất cố định trong ½ thời gian vay vốn kể từ ngày giải ngân là 8,2%. Mục đích vợ chồng chị H, anh T vay tiền để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên, ngày 28/10/2019 giữa Ngân hàng BIDV và chị Phan Thị Cẩm H, anh Trần Quang T có lập hợp đồng thế chấp bất động sản (tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và/ hoặc tài sản gắn liền với đất, nhà ở của bên vay) số: 01/2019/1318591/HĐBĐ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại tổ 21, khu vực 3, phường Q.T, thành phố Q.N, tỉnh B.Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 063029, sổ vào sổ cấp GCN: CS 04496 do Sở tài nguyên vào môi trường tỉnh B.Đ cấp ngày 24/01/2019, chủ sở hữu là Phan Thị Cẩm H và Trần Quang T.

Trong quá trình vay vốn chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 09/8/2020 vợ chồng chị H, anh T còn nợ ngân hàng 2.613.000.000đ (*hai tỷ sáu trăm mười ba triệu đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000đ, lãi là 113.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng BIDV yêu cầu chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng BIDV số tiền 2.785.869.862đ (*hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000đ, lãi là 285.869.862đ (lãi tính đến ngày xét xử là ngày 05/3/2021).

Nếu chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 21, khu vực 3, phường Q.T, thành phố Q.N, tỉnh B.Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T vẫn chưa trả hết nợ thì buộc chị H, anh T vẫn phải tiếp tục trả số nợ còn lại.

Bị đơn chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T:

Vắng mặt trong những lần Tòa triệu tập lấy lời khai, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. QN phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự : Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 295, 299, 317 và 318 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 buộc chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP BIDV số tiền 2.785.869.862đ (hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng). Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016, chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự : Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đầy đủ cơ sở để xác định:

Ngày 04/11/2019 Ngân hàng BIDV có cho chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T vay tiền theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2019/13185981/HĐTD hạn mức tín dụng là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vợ chồng chị H, anh T vay tiền để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên, ngày 28/10/2019 giữa Ngân hàng BIDV và chị Phan Thị Cẩm H, anh Trần Quang T có lập hợp đồng thế chấp bất động sản

số: 01/2019/1318591/HĐBĐ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại tổ 21, khu vực 3, phường Q.T, thành phố Q.N, tỉnh B.Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 063029, số vào sổ cấp GCN: CS 04496 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 24/01/2019, chủ sở hữu là Phan Thị Cẩm H. và anh Trần Quang T.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử (ngày 05/3/2021), chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T còn nợ Ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng nêu trên là: 2.785.869.862đ (*hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000đ, lãi là 285.869.862đ.

Nay Ngân hàng BIDV yêu cầu chị H và anh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng BIDV số tiền 2.785.869.862đ (*hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000đ và lãi là 285.869.862đ.

Chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T còn phải trả tiền lãi phát từ ngày 06/3/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký số 01/2019/13185981/HĐTD cho đến khi trả hết nợ.

Nếu chị H và anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 21, khu vực 3, phường Q.T, thành phố QN, tỉnh B.Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị H và anh T.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà chị H và anh T vẫn chưa trả hết nợ thì buộc chị H, anh T vẫn phải tiếp tục trả số nợ còn lại.

Bị đơn chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định: Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản là nhà đất tại tổ 21, khu vực 3, phường Q.T, thành phố QN, Ngân hàng BIDV đã tạm ứng 3.000.000đ, đã chi xong. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng tự nguyện chịu. Việc Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là 87.718.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng BIDV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.130.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008504 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.N.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 295, 299, 317 và 318 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

1.1 Buộc chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 2.785.869.862đ (*hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000đ, lãi và lãi phạt quá hạn tính đến ngày xét xử (ngày 05/3/2021) là 285.869.862đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cho vay số: 01/2019/13185981/HĐTD ngày 04/11/2019.

1.2 Trường hợp chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/13185981/HĐBĐ ngày 28/10/2019 được xử lý thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

1.3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T các giấy tờ theo hợp đồng thế chấp đất động sản số: 01/2019/13185981/HĐBĐ ngày 28/10/2019 sau khi chị H và anh T hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền cho Ngân hàng.

2- Về chi phí xem xét, thẩm định: Ngân hàng BIDV tự nguyện chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng), đã chi xong.

3- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm : Chị Phan Thị Cẩm H và anh Trần Quang T phải chịu 87.718.000đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm mười tám

ngàn đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 42.130.000đồng (bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008504 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN.

4- Quyền kháng cáo : Các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Huỳnh Thị Ngọc Lan

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

